

Số: 95/2020/QĐST- DS

Bình Đại, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 363/2020/TLST –DS ngày 09 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
 - *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BD, tỉnh BT.
Chị T ủy quyền cho anh Trần Nhật Long H, sinh năm 1978. Địa chỉ: 137C HV, phường 7, thành phố BT, tỉnh BT tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2020.

- *Bị đơn:* **Mai Văn H**, sinh năm 1965.

Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.
Cùng địa chỉ: ấp BT, TTBD, huyện BD, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T thừa nhận còn nợ chị Nguyễn Thị T số tiền nợ vay là 514.100.000 đồng (Năm trăm mười bốn triệu một trăm nghìn đồng). Trong có tiền vốn gốc là 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng)

Ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ vay là 514.100.000 đồng (Năm trăm mười bốn triệu một trăm nghìn đồng). Thời gian và phương thức trả nợ là trả một lần vào ngày 03 tháng 3 năm 2021.

Ghi nhận chị T chỉ yêu cầu ông H và bà T trả lãi tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/7/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 6.141.000 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 6.141.000 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 12.282.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002001 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy chị Nguyễn Thị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 6.141.000 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Tháo